

## THÔNG BÁO

V/v công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý III năm 2025

-----

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 1539/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Hưng về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 xã Xuân Hưng;

- Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND xã Xuân Hưng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025,

Văn phòng Đảng ủy xã Xuân Hưng thông báo công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý III năm 2025 (Có biểu kèm theo).

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND xã,
- Ủy ban nhân dân xã,
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT - XH,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- Phòng Kinh tế,
- Lưu VPĐU.



Trần Văn Điệp

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 6 tháng/năm	So sánh(%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<b>I</b>	<b>Tổng số thu tại đơn vị</b>	<b>3.818,000</b>	<b>4.622,765</b>	<b>121,08</b>	
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động		145,989		
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp				
3	Thu khác		351,500		
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán	3.818,000	4.125,277	108,05	
4.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 12 (QLNN)	3.613,606	2.193,745	60,71	
4.1.1	Chi thường xuyên		1.693,745		
4.1.2	Chi tổ chức Đại hội Đảng		500,000		
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 18 (KP tiền thưởng)	204,394		0,00	
4.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 23 (KP thực hiện NĐ178)		1.545,102		
4.4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ khác		386,430		
4.4.1	Từ nguồn hỗ trợ của huyện cũ chuyển về (ĐH Đảng)		60,000		
4.4.2	Tiền trao tặng huy hiệu Đảng dịp 02/9		326,430		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>3.818,000</b>	<b>4.125,277</b>	<b>108,05</b>	
1	Chi quản lý hành chính	3.818,000	4.125,277	108,05	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		386,430		
1.1.1	Từ nguồn hỗ trợ của huyện cũ chuyển về (ĐH Đảng)		60,000		
1.1.2	Tiền trao tặng huy hiệu Đảng dịp 02/9		326,430		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.818,000	3.738,847	97,93	
1.2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 12 (QLNN)	3.613,606	2.193,745	60,71	
1.2.1.1	Chi thường xuyên		1.693,745		
1.2.1.2	Chi tổ chức Đại hội Đảng		500,000		

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 6 tháng/năm	So sánh(%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1.2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 18 (KP tiền thưởng)	204,394	0,000	0,00	
1.2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - nguồn 23 (KP thực hiện NĐ178)		1.545,102		
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	.....				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu Quốc				
11.2	.....				

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*[Signature]*

Bùi Thị Ngân

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Chữ ký, dấu)



**CHÁNH VĂN PHÒNG**  
**Trần Văn Điệp**